

Số: 72 /2021/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý cộng tác viên khuyến công
trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính
phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 295/TTr-SCT
ngày 22 tháng 11 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cộng tác viên
khuyến công trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 01 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công
Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch
Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương, Bộ Tài chính (b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, TT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT. Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, KTN

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Thư

QUY CHẾ

Quản lý cộng tác viên khuyến công trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 72 /2021/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của cộng tác viên khuyến công xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cộng tác viên); mối quan hệ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác quản lý cộng tác viên khuyến công trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cộng tác viên khuyến công và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý cộng tác viên trên địa bàn tỉnh An Giang.

Chương II

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CỘNG TÁC VIÊN

Điều 3. Tiêu chuẩn cộng tác viên

1. Là công chức hoặc người hoạt động không chuyên trách, đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh An Giang;

2. Có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên thuộc các nhóm ngành: Kinh tế, kỹ thuật, Luật, Hành chính, và các nhóm ngành khác, ưu tiên cho người hoạt động không chuyên trách, người đã có thời gian làm nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ chính sách khuyến công giai đoạn 2016 đến nay, nhưng phải phù hợp với tiêu chuẩn cộng tác viên.

3. Có tinh thần trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tự nguyện tham gia công tác khuyến công trên địa bàn.

4. Có khả năng giao tiếp tốt, có tinh thần phục vụ nhân dân.

5. Trong quá trình hoạt động, cộng tác viên tuân thủ theo các quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật về khuyến công.

Điều 4. Nhiệm vụ của cộng tác viên

1. Quản lý, theo dõi hoạt động sản xuất - kinh doanh của các cơ sở công nghiệp nông thôn, theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang.

2. Hướng dẫn, tư vấn các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

3. Thống kê danh sách các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn phụ trách, lập kế hoạch và đề xuất hỗ trợ theo chính sách khuyến công của tỉnh.

4. Phối hợp với Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng cung cấp thông tin có liên quan đến hoạt động khuyến công trên địa bàn theo chính sách khuyến công.

5. Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của các cơ sở công nghiệp nông thôn, những bất cập trong cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác, gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng.

6. Làm đầu mối triển khai các hoạt động khuyến công và tham gia quản lý, hướng dẫn thực hiện các đề án khuyến công triển khai trên địa bàn.

7. Hướng dẫn, tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn thực hiện lập đề án khuyến công và các nội dung khác có liên quan theo quy định, thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã, gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng tổng hợp.

8. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm, tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động khuyến công cũng như tình hình phát triển Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp tại địa bàn, gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng tổng hợp.

9. Căn cứ nhu cầu công việc, Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực hoạt động Công Thương trên địa bàn ngoài nhiệm vụ quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 5. Quyền hạn của cộng tác viên

1. Được tham gia các kỳ họp, các lớp tập huấn, các lớp đào tạo ngắn hạn; hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, tham quan học tập kinh nghiệm khi có yêu cầu do Bộ Công Thương, Sở Công Thương hoặc Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng tổ chức.

2. Được cập nhật thông tin và cung cấp những tài liệu văn bản pháp luật về hoạt động khuyến công khi có yêu cầu.

3. Đề xuất ý kiến, hướng xử lý theo quy định của pháp luật đối với các đề án, dự án, kế hoạch có liên quan đến hỗ trợ nội dung trái quy định của pháp luật về đối tượng, ngành nghề thụ hưởng.

4. Được hưởng các khoản thù lao cộng tác viên do ngân sách huyện, thị xã, thành phố chi trả theo quy định tại khoản 7, Điều 9, Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

5. Được đề xuất, biểu dương, khen thưởng khi có thành tích hoặc có đóng góp tích cực cho hoạt động khuyến công.

Chương III

PHÊ DUYỆT VÀ QUẢN LÝ CỘNG TÁC VIÊN

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt mạng lưới cộng tác viên

Giao Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định phê duyệt mạng lưới cộng tác viên khuyến công các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại khoản 3, Điều 8 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt cộng tác viên

1. Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng phối hợp với Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã, căn cứ vào tiêu chuẩn cộng tác viên quy định tại điều 3 Quy chế này và số xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện để đề xuất số lượng cộng tác viên tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách cộng tác viên.

2. Số lượng cộng tác viên không nhiều hơn tổng số xã, phường, thị trấn thuộc cấp huyện, đảm bảo mỗi xã, phường, thị trấn đều có cộng tác viên để triển khai chính sách khuyến công theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND.

Điều 8. Công nhận cộng tác viên

1. Thủ tục công nhận cộng tác viên

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chọn, lập danh sách cử công chức hoặc người hoạt động không chuyên trách có đủ tiêu chuẩn theo quy định về cộng tác viên khuyến công gửi cho Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng;

b) Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng phối hợp với Phòng Nội vụ, đối chiếu tiêu chuẩn, điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt danh sách cộng tác viên;

c) Trong trường hợp không công nhận cộng tác viên đối với người đã đề nghị công nhận cộng tác viên thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị đó và ghi rõ lý do từ chối.

2. Quyết định phê duyệt danh sách cộng tác viên là điều kiện để chi trả thù lao cộng tác viên.

3. Trong quá trình thực hiện hằng năm, căn cứ kế hoạch thực hiện Chương trình khuyến công của địa phương và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cộng tác viên, Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện kiện toàn, điều chỉnh, bổ sung đội ngũ cộng tác viên đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Chấm dứt công nhận cộng tác viên

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chấm dứt cộng tác viên áp dụng đối với một trong những trường hợp sau đây:

1. Vi phạm pháp luật liên quan đến thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao hình thức từ cảnh cáo trở lên.

2. Có quyết định nghỉ hưu, chuyển công tác khác, cho thôi việc, giải quyết chế độ, chính sách...

3. Có hành vi không khách quan, không trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ công tác được giao.

4. Thực hiện công việc không đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và chất lượng theo yêu cầu của cấp huyện.

5. Dùng danh nghĩa cộng tác viên để thực hiện các hoạt động khác ngoài công tác hỗ trợ chính sách khuyến công được giao.

6. Vi phạm nghĩa vụ quy định của Quy chế này.

Điều 10. Thủ tục chấm dứt công nhận cộng tác viên

1. Khi nhận được văn bản đề nghị chấm dứt cộng tác viên đã được công nhận theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này, Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng phối hợp Phòng Nội vụ có văn bản đề nghị chấm dứt cộng tác viên trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định chấm dứt cộng tác viên.

2. Theo đề nghị chấm dứt cộng tác viên của Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ra quyết định chấm dứt cộng tác viên.

Quyết định chấm dứt cộng tác viên được gửi cho cộng tác viên, Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng; Phòng Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cộng tác viên đang công tác.

Điều 11. Mối quan hệ giữa cộng tác viên với Phòng Kinh tế/Kinh tế -Hạ tầng

1. Cộng tác viên với Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng thiết lập mối quan hệ trên cơ sở phối hợp giữa hai bên trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao.

2. Mọi yêu cầu, kiến nghị của cộng tác viên liên quan đến việc thực hiện chính sách khuyến công phải thông qua Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng để đề xuất Sở Công Thương theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công tác được giao, cộng tác viên hoạt động độc lập, khách quan, trung thực và tuân theo pháp luật.

Điều 12. Kinh phí hoạt động của cộng tác viên

1. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của cộng tác viên được sử dụng từ ngân sách của cấp huyện đã được cấp có thẩm quyền giao hằng năm trong nguồn kinh phí hoạt động của Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng.

2. Nội dung và mức chi thù lao cho hoạt động của cộng tác viên được áp dụng theo định mức quy định chế độ chi đối với cộng tác viên trên địa bàn tỉnh An Giang.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phê duyệt danh sách công tác viên theo quy định tại Quy chế này.
2. Hàng năm, bố trí kinh phí cho hoạt động của công tác viên khuyến công theo quy định.
3. Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng kế hoạch triển khai các văn bản pháp luật liên quan đến chính sách khuyến công và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ khuyến công cho đội ngũ công tác viên.
4. Khen thưởng công tác viên thực hiện chính sách khuyến công trên địa bàn theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác viên công tác thuộc thẩm quyền.
5. Định kỳ lồng ghép báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về quá trình triển khai, thực hiện Quy chế này theo định kỳ báo cáo công tác khuyến công.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phân bổ dự toán kinh phí của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt, đảm bảo kinh phí cho công tác viên khuyến công hoạt động theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Sở Công Thương tổ chức triển khai, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, tạo điều kiện để công chức hoặc người hoạt động không chuyên trách có chuyên môn theo quy định tại Quy chế này và kinh nghiệm tham gia vào độ ngũ công tác viên được bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức pháp luật hiện hành có liên quan để đội ngũ công tác viên hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần bổ sung, điều chỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Công Thương nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.